



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019



ABS

NỘI DUNG

- 02	THÔNG TIN CHUNG
02	Thông tin khái quát
05	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
06	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
07	Định hướng phát triển
08	Các rủi ro
- 10	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
11	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
12	Tổ chức và nhân sự
16	Tình hình tài chính
17	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
20	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.
- 22	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
24	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
25	Tình hình tài chính
25	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
26	Kế hoạch phát triển tương lai
- 28	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
28	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
29	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
29	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
- 30	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



THÔNG TIN CHUNG

Lịch sử xây dựng và phát triển

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS)

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp số: 16/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 29/09/2006; Giấy phép bổ sung lần 1: số 266/QĐ-UBCK cấp ngày 18/04/2007; Giấy phép bổ sung lần 2: số 178/QĐ-UBCK cấp ngày 10/12/2008; Giấy phép bổ sung lần 3: số 365/UBCK-GP cấp ngày 02/11/2010; Giấy phép bổ sung lần 4: số 19/GPĐC-UBCK cấp ngày 26/02/2018; Giấy phép bổ sung lần 5: số 70/GPĐC-UBCK cấp ngày 04/09/2018.

Vốn điều lệ: 397 tỷ đồng.

Cổ đông sáng lập: Tập đoàn GELEXIMCO – CTCP, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Ngân hàng thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà GELEXIMCO, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (084 24) 35 624 626 Fax: (084 24) 35 624 628

Website: www.abs.vn

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

2006	✓ Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng ✓ Khai trương ngày: 05/11/2006 ✓ Ủy Ban CKNN cấp giấy phép ngày: 29/09/2006
2008	✓ Vốn điều lệ: 397 tỷ đồng ✓ 4 cổ đông tổ chức ✓ 51 cổ đông cá nhân
2013	✓ Đạt danh hiệu Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam do Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam bình chọn ✓ Nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất sàn HSX và HNX
2017	✓ Đạt danh hiệu Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam do Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam bình chọn ✓ Nằm trong top 30 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất sàn HNX và sàn HSX
2019	✓ Tổng tài sản: 683 tỷ đồng ✓ Đánh dấu 13 năm xây dựng và phát triển ✓ 10 điểm giao dịch trên toàn quốc

GIÁ TRỊ CỐT LÕI - TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Tôn trọng: cá tính, văn hóa, nhiệm vụ mỗi cá nhân
- Tinh thần đồng đội: động viên khuyến khích nỗ lực của đồng nghiệp, góp ý thẳng thắn chân thành hướng vào công việc, thông cảm lắng nghe ghi nhận các nỗ lực
- Sẵn sàng học hỏi: chấp nhận và học hỏi từ thất bại để thay đổi

TẦM NHÌN

Chúng tôi xây dựng ABS trở thành công ty bán lẻ hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ tài chính chứng khoán

SỨ MỆNH

- Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gia tăng giá trị cho cổ đông và đối tác
- Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính chứng khoán với chất lượng cao và sự khác biệt
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch hiện đại, tiên tiến đáp ứng hoàn hảo nhu cầu giao dịch của khách hàng, tổ chức các mạng lưới chi nhánh, đảm bảo an toàn kinh doanh
- "Kết Nối" giữa doanh nghiệp cần vốn và nhà đầu tư; giữa người cần mua và người cần bán; giữa các nhà đầu tư; giữa thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài để cùng nhau đi tới "Thành Công"



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty đã được cấp phép và thực hiện đầy đủ các dịch vụ kinh doanh đối với Công ty chứng khoán, bao gồm các dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp

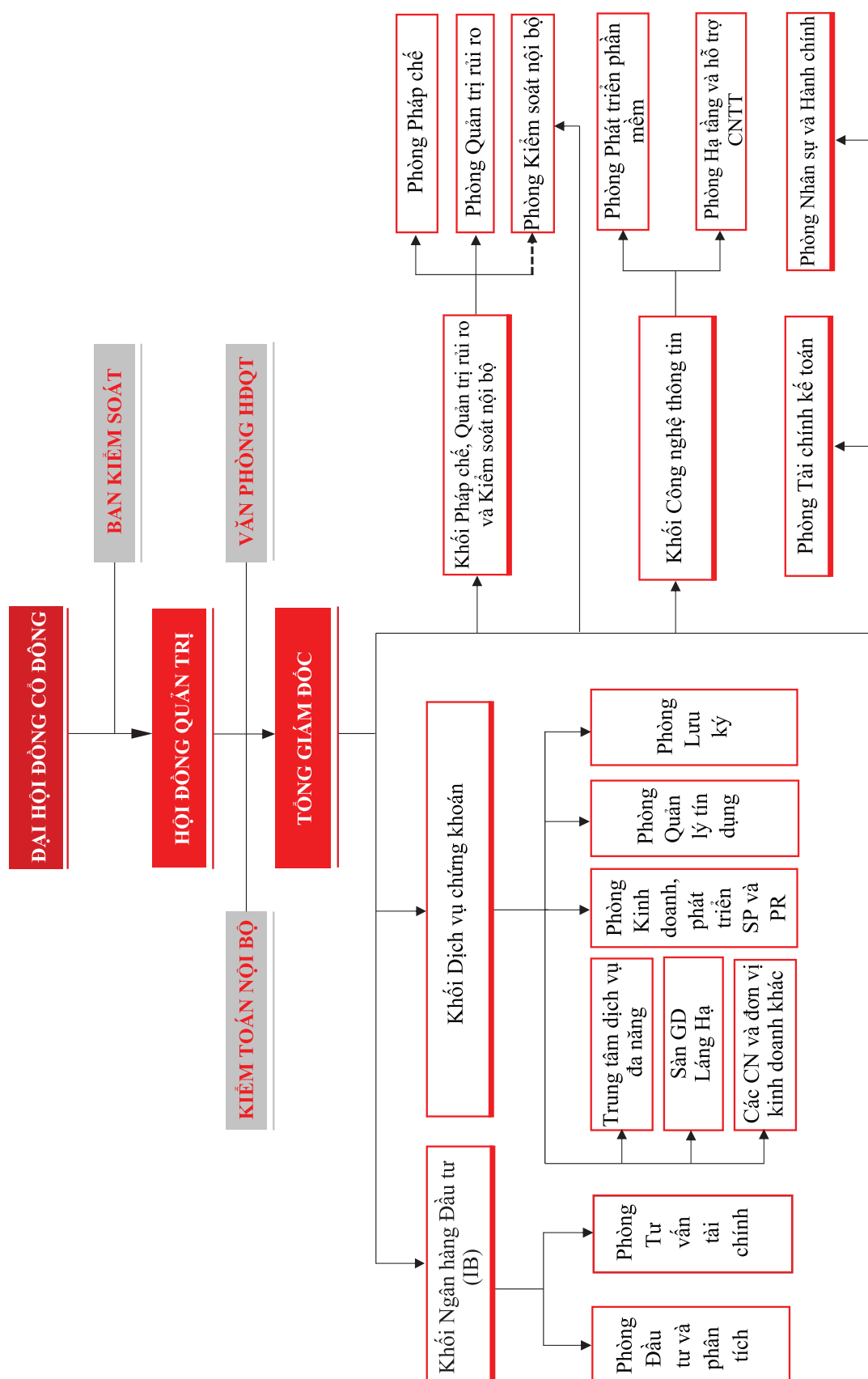
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến cuối năm 2019, mạng lưới ABS gồm 10 sàn giao dịch (Chi nhánh/ Phòng Giao dịch) tại 9 thành phố lớn trực thuộc Trung ương, những Tỉnh thành phố có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh trên cả nước

- | | |
|-------------|---------------|
| - Hà Nội | - Hồ Chí Minh |
| - Bắc Ninh | - Vũng Tàu |
| - Hải Phòng | - Đà Nẵng |
| - Thái Bình | - Huế |
| - Cần Thơ | |



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



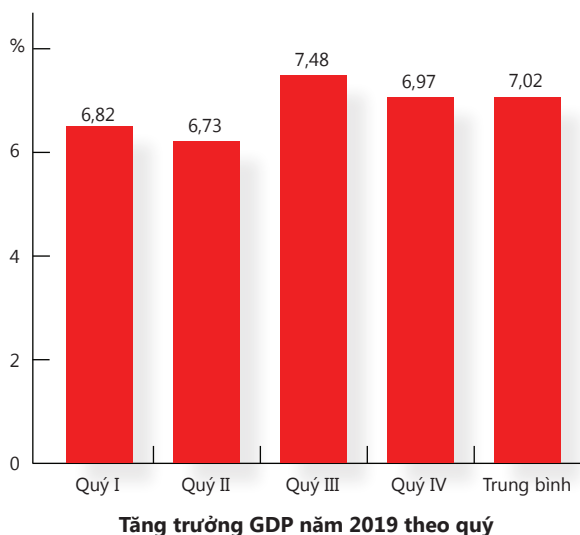
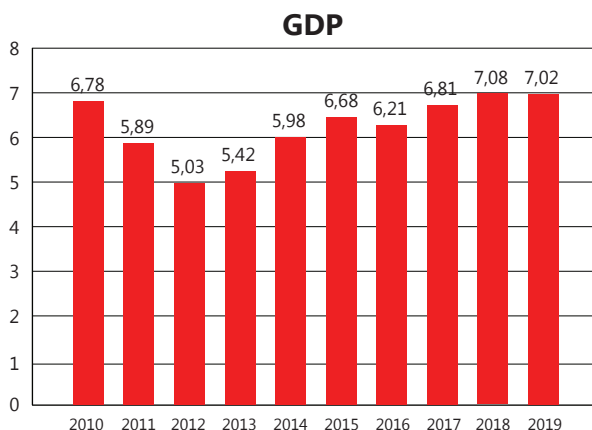
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU	NHIỆM VỤ
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư, trong đó chú trọng phát triển thị trường ngách (thị trường trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp và thứ cấp). Thông qua đó, đẩy mạnh hoạt động tư vấn trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu, bán lẻ/bán lô các sản phẩm trái phiếu, giao dịch các loại giấy tờ có giá... - Tiếp tục duy trì hoạt động môi giới bán lẻ, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh...
Tập trung tăng trưởng dư nợ giao dịch ký quỹ, kiểm soát rủi ro tối đa, không phát sinh nợ xấu	Thị trường chứng khoán hiện nay mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt trong việc giảm phí, miễn phí giao dịch. Hoạt động giao dịch ký quỹ tiếp tục được tập trung tăng trưởng trong các năm tiếp theo với các biện pháp thúc đẩy: - Mở rộng cho vay khách hàng nhỏ lẻ, khách hàng doanh nghiệp và tổ chức trên cơ sở đánh giá và rà soát kỹ về doanh nghiệp, cổ phiếu... - Đảm bảo kiểm soát rủi ro tối đa bằng các biện pháp tích cực: theo dõi sự biến động của cổ phiếu cho vay, cập nhật và theo dõi thường xuyên thông tin doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp hạn chế khi thị trường biến động hoặc có thông tin tiêu cực.
Đồng hành cùng hệ sinh thái tập đoàn tạo dựng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đồng bộ và xuyên suốt	Phối hợp với các đơn vị trong tập đoàn như Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Bình để triển khai các sản phẩm tài chính như chứng chỉ quỹ mở, trái phiếu... cung cấp đến khách hàng cá nhân và tổ chức hệ sinh thái tài chính đa dạng, đầy đủ các dịch vụ và nhiều tiện ích, kể cả các dịch vụ online và app mobile.
Tăng cường thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ khác: giao dịch chứng chỉ tiền gửi, cầm nắm giữ hộ trái phiếu, cổ phiếu...	- Mở rộng các doanh nghiệp có nhu cầu phát hành trái phiếu, thực hiện hoạt động tư vấn và thu xếp vốn. - Thúc đẩy bán, phân phối trái phiếu qua kênh kinh doanh nội bộ và kênh hợp tác bán chéo trong tập đoàn. - Tiếp tục triển khai nghiệp vụ giao dịch chứng chỉ tiền gửi đã thực hiện trong 2020. - Khai thác dịch vụ cầm nắm giữ hộ giấy tờ có giá, tận dụng các cơ hội ngắn hạn để nắm giữ trái phiếu tốt.

CÁC RỦI RO

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2019

Kinh tế thế giới 2019 chứng kiến những khó khăn bất nguồn từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung khởi đầu từ năm 2018. Đến giai đoạn cuối năm 2019, bức tranh vĩ mô có phần bớt u ám hơn nhờ có các động thái hỗ trợ nền kinh tế, từ việc FED và một số Ngân hàng Trung ương giảm lãi suất. Do tác động của chiến tranh thương mại, hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới đều mấp mé bờ vực suy thoái trong năm 2019, và thương mại thế giới đã bị suy giảm nghiêm trọng.



Thương mại, Xuất nhập khẩu: Năm 2019, xuất nhập khẩu Việt Nam thiết lập kỷ lục mới với kim ngạch đạt 516,96 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% và nhập khẩu đạt 253,5 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018. Như vậy, đây là năm thứ tư liên tiếp Việt Nam tiếp tục có xuất siêu với 9,94 tỷ USD, vượt xa so với con số kỷ lục 7,2 tỷ USD được thiết lập

năm 2018. Đây là thành tựu quan trọng của kinh tế Việt Nam. Đáng chú ý, con số 516,96 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu đã giúp Việt Nam lọt top 30 quốc gia có tăng trưởng xuất nhập khẩu tốt trên thế giới. Xét riêng lĩnh vực xuất khẩu, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có quy mô xuất khẩu đứng thứ 22 trên thế giới.

Lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2019 là 2,73% so với bình quân năm 2018 và đáp ứng được mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Và điều đó có nghĩa, Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục có một năm thành công khi ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát còn dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4%). Như vậy là đã 3 năm liên tiếp, Việt Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4%. Năm 2017, lạm phát là 3,53%, năm 2018 là 3,54%, còn năm 2019 là 2,73%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Việt Nam tiếp tục thu hút kỷ lục đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong năm 2019, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm ngoái. Trong đó, vốn đăng ký mới là 16,75 tỷ USD, vốn tăng thêm là 5,8 tỷ USD, còn vốn đầu tư thông qua góp vốn, mua cổ phần là 15,47 tỷ USD.

Song song với tăng trưởng kinh tế là nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định với các chỉ tiêu lạm phát, tỷ giá và lãi suất được kiểm soát mức dưới chỉ tiêu đề ra.

Tỷ giá: Tỷ giá VND/USD diễn biến ổn định, dao động quanh một biên độ hẹp trong suốt năm 2019. Mức biến động cao nhất chỉ xấp xỉ trên 1% vào thời điểm đầu năm và gần như diễn biến đi ngang trong các tháng cuối năm. NHNN áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm.

Ngân hàng – Lãi suất: tăng trưởng tín dụng 2019 đạt khoảng 13,5%, sát với mục tiêu 14% đặt ra từ đầu năm và là tỷ lệ tăng trưởng tín dụng thấp nhất kể từ năm 2014. Mặt bằng lãi suất huy động tăng lên trong 3 quý đầu năm đặc biệt là tại các kỳ hạn dài với mức tăng từ 0,7-1,2% sau đó có giảm nhẹ trở lại tại một số NHTM vào thời điểm cuối năm nhờ các động thái nới lỏng của NHNN.



Thị trường chứng khoán năm 2019

Năm 2019 là một năm không nhiều biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong những tháng đầu năm, chỉ số hồi phục từ vùng giá thấp của 2018, từ vùng 880 điểm lên mức hơn 1.000 điểm nhờ kết quả kinh doanh cải thiện và dòng tiền ngoại đổ mạnh vào thị trường – đây cũng là mức tăng giá mạnh nhất của chỉ số VnIndex trong năm 2019. Trong khoảng thời gian còn lại, chỉ số chủ yếu đi ngang trong những nhịp giằng co từ 940 – 1.000 điểm và hồi phục ngắn hạn về mốc 1.000 điểm. Những tín hiệu vĩ mô tích cực trong nước như kí kết hiệp định thương mại EVFTA, NHNN cắt giảm lãi suất, Luật Chứng khoán sửa đổi được thông qua và sự ra đời của các sản phẩm mới dường như chưa thể nâng đỡ tâm lý thị trường do tâm lí chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và rủi ro suy thoái kinh tế bao trùm.

Tính chung cả năm 2019 thị trường chứng khoán tăng điểm nhẹ, tuy nhiên thanh khoản lại giảm mạnh so với năm 2018. Kết thúc năm 2019: VnIndex đóng cửa tại 960,99 điểm, tăng 7,67%; HnxIndex đóng cửa tại 102,51 điểm giảm 1,65%; Upcom Index đóng cửa tại 56,48 điểm, tăng 6,91%.

Xu hướng chung là điều chỉnh xen kẽ các kỳ tăng và hồi phục, diễn biến thị trường năm 2019 có thể chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (từ 2/1/2019 đến 19/3/2019): Ba tháng đầu năm 2019 ghi nhận mức tăng mạnh +12,8% của chỉ số VnIndex nhờ KQKD nhóm VN30 tiếp tục tăng trưởng mạnh so với cùng kì. Đây cũng đồng thời là giai đoạn khối ngoại mua ròng mạnh với giá trị đạt 5.166 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2 (từ 20/3/2019 đến 19/09/2019): Chỉ số giảm nhẹ - 1,2% và chủ yếu vận động

tích lũy quanh vùng 940 - 1.000 điểm. Trong giai đoạn này, thị trường giằng co giữa tín hiệu cắt giảm lãi suất hỗ trợ tăng trưởng của một loạt các NHTW lớn trên thế giới và diễn biến có phần kém khả quan của các cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong nước, các yếu tố vĩ mô tiếp tục tích cực và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp đặc biệt nhóm ngân hàng tiếp tục cho thấy sự cải thiện so với năm trước và là một trong những động lực cho các nhịp hồi ngắn hạn về sát ngưỡng 1.000 điểm.

- Giai đoạn 3 (từ 20/09/2019 đến 31/12/2019): Sau gần năm tháng tích lũy chỉ số đã thành công khi quay trở lại mốc 1.000 điểm và có lúc tăng lên mức cao nhất năm (1.029,03 điểm) – giai đoạn này cổ phiếu họ nhà Vin (VIC, VRE, VHM) tăng khá mạnh đã tác động rất tích cực tới việc tăng mạnh của chỉ số.

Tính đến hết 2019, quy mô vốn hóa của cả 3 sàn đạt 4.427,25 nghìn tỷ đồng tương đương 190 tỷ USD, tăng +10,64% so với năm 2018. Quy mô vốn hóa sàn UPCOM áp đảo so với sàn HNX và đạt hơn 952,57 nghìn tỷ tăng +2,1% YoY. Xu hướng cổ phần hóa và thoái vốn chứng lại làm giảm tốc độ tăng trưởng vốn hóa của sàn Upcom.

Thanh khoản thị trường: Tính đến hết tháng 12/2019, thanh khoản bình quân cả năm trên HSX và HNX đạt 4.444 tỷ đồng/ phiên, giảm mạnh so với mức 6.283 tỷ đồng/phiên trong 2018, tương ứng với mức giảm -29,3%. Thanh khoản tăng mạnh và đạt mức cao nhất vào tháng 3 với mức thanh khoản trung bình đạt 5.347 tỷ đồng/ phiên. Tuy vậy, tâm lý hưng phấn của thị trường không duy trì được lâu khi chỉ số nhanh chóng lùi về vùng giá thấp trong năm và đi ngang trong sáu tháng tiếp theo. Điều này dẫn đến việc thanh khoản bình quân trên thị trường trong các tháng này chỉ ở mức xấp xỉ 4.500 tỷ đồng/ phiên. Với việc VnIndex có sự tích lũy và đi lên trong 3 tháng cuối năm, thanh khoản cũng theo đó cải thiện.

Giao dịch khối ngoại: Tính đến 31/12, khối ngoại đã mua ròng 7.339 tỷ đồng trên cả 3 sàn tương ứng với 315 triệu USD, giảm 83% YoY. Hoạt động rút ròng của khối ngoại diễn ra trong 5 tháng cuối năm 2019, đặc biệt với các tháng 8, 10, 12 ghi nhận mức bán ròng trên 1.000 tỷ mỗi tháng. Trong năm có các thương vụ bán vốn lớn như VIC phát hành riêng lẻ cho SK Group, BID phát hành cho KEB Hana Bank, BVH phát hành cho Sumitomo Life.



***TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM***



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018 (đồng)	Kế hoạch năm 2019 (đồng)	Thực hiện năm 2019 (đồng)	% tăng giảm thực hiện 2019 so với kế hoạch 2019	% tăng giảm thực hiện 2019 so với thực hiện 2018
1	Chỉ số Vn-index	điểm	892,54		960,99		7,67%
2	Doanh thu hoạt động	đồng	85.348.977.957	87.268.295.934	78.449.368.927	-10%	-8%
3	Chi phí hoạt động	đồng	39.832.077.506	30.585.380.147	19.223.012.032	-37%	-52%
4	Chi phí quản lý	đồng	33.985.147.292	36.679.042.674	36.188.991.494	-1%	6%
5	Dự phòng tài chính (<0 :hoàn nhập)	đồng	5.734.445.507	0	-7.047.921.206	N/A	-223%
6	Lợi nhuận trước thuế (đã trích lập)	đồng	11.227.257.968	20.003.873.113	23.037.365.401	15%	105%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đã trích lập)	đồng	8.921.167.133		18.371.070.195	N/A	106%

Thị trường chứng khoán năm 2019 ghi nhận khó khăn không nằm ngoài dự báo của ABS và các công ty chứng khoán. Mặc dù chỉ số Vn-Index đóng cửa năm 2019 ghi nhận mức tăng 7,67% so với năm 2018 nhưng khối lượng giao dịch toàn thị trường lại giảm.

Theo đó doanh thu hoạt động của ABS chỉ đạt 78,1 tỷ đồng giảm 10% so với kế hoạch đề ra và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. So với mức giảm của thị trường thì mức giảm doanh thu của ABS được đánh giá là thấp so với tình hình của thị trường.

Ở chi phí hoạt động mức giảm chi phí khi chưa trích lập là vào khoảng 23% so với cùng kỳ là phù hợp với tốc độ giảm doanh thu, sau trích lập dự phòng chi phí hoạt động giảm mạnh so với năm 2018 là do ABS đã thu hồi các món nợ xấu đã trích dự phòng từ các năm trước nên phát sinh hoàn nhập dự phòng, từ đó làm cho chi phí hoạt động kinh doanh giảm mạnh 37% so với kế hoạch và giảm 52% so với cùng kỳ năm trước.

Còn về chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, giảm 1% so với kế hoạch năm 2019 đề ra. Cấu phần tăng chủ

yếu của chỉ tiêu này là chi phí tiền lương do được thưởng thêm vì do nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên đã hạn chế được tốc độ suy giảm của doanh thu cũng như việc thu hồi nợ xấu, việc này đã được HĐQT ghi nhận và về tổng thể chi phí quản lý phát sinh vẫn nằm trong kế hoạch năm 2019 đã được phê duyệt. Còn các khoản mục chi phí quản lý khác nhìn chung không giảm bởi đây là các chi phí cố định không phụ thuộc vào diễn biến của thị trường như chi phí thuê văn phòng, chi phí khấu hao theo đường thẳng, chi phí bảo hiểm xã hội, chi phí công cụ dụng cụ,...

Tổng thể chung, năm 2019 sau khi trích lập dự phòng lợi nhuận sau thuế TNDN của ABS đạt 18,3 tỷ đồng tăng 106% so với cùng kỳ năm 2018.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban điều hành



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám Đốc

- Ông Trương Ngọc Lân hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của ABS.
- Tốt nghiệp loại ưu trường Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. Ông cũng tốt nghiệp sau đại học chuyên ngành Toán – Thống kê – Định phí bảo hiểm tại trường City University – London, UK.
- Hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...
- Giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt như: Trưởng Ban Đầu tư; Trưởng Ban Chiến lược; Giám đốc Ban Chỉ đạo Đổi mới – Tái cơ cấu. Ông cũng từng tham gia Thành viên HĐQT các công ty BVSC, VOSCO...
- Tham gia hoạt động cộng đồng, từ thiện được xã hội ghi nhận.

Thành viên Ban điều hành



Ông Chu Tuấn An

*Phó Tổng Giám Đốc
Khối Ngân Hàng Đầu Tư*

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng Đại học Paris Dauphine và Trường ESCP-EAP, cử nhân Đại học Mở Hà Nội chuyên ngành Kế toán Tài chính, cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.
- Có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng nhóm Tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Phó giám đốc Trung tâm dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.



Ông Nguyễn Việt Cường

Kế Toán Trưởng

- Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán Tài chính.
- Tốt nghiệp Học viện Tài chính, Kỹ sư Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Có 15 năm kinh nghiệm trong ngành Kế toán Tài chính, trong đó có 6 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán.
- Từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Trưởng kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt, kế toán trưởng Xí nghiệp xây lắp số 6-CTCP Xây Dựng Hạ Tầng Sông Đà.

Tình hình thay đổi trong Ban điều hành ABS

Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lý do thay đổi
Bà Giang Hồng Hạnh Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Việt Cường Kế toán trưởng	15/03/2019	Chấp thuận đơn xin chấm dứt HĐLĐ, Quyết định bổ nhiệm Phụ trách Kế toán/Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng.

Chính sách liên quan đến người lao động



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Thông tin cơ bản	Số liệu chi tiết
Tổng số cán bộ nhân viên	93 người
Trình độ Đại học	92,08%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp	7,92%
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	15

Chính sách đối với người lao động

“Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng” là phương châm của ABS luôn nỗ lực thực hiện để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách đối với người lao động được duy trì và bảo đảm ổn định với chế độ tốt. Cán bộ nhân viên hưởng lương cấp bậc, lương bổ sung, các khoản hỗ trợ và được hưởng lương tháng thứ

13, trợ cấp Tết Dương lịch, Tết Âm Lịch, Ngày 30/04-01/05. Cán bộ nhân viên được tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, cán bộ nhân viên ABS còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác như khám bệnh định kỳ, tham gia các hoạt động tập thể

nhằm tăng cường đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau như: chương trình nghỉ mát hè, các chương trình dã ngoại teambuilding, chương trình kỷ niệm ngày 08/03, ngày 20/10...

Chế độ giành cho con em cán bộ nhân viên ABS cũng được quan tâm chú ý: tổ chức hoạt động vui chơi cho các cháu nhân ngày 01/06, tổ chức ngày hội trăng rằm nhân dịp Trung thu. Tổ chức Công đoàn cùng Ban lãnh đạo Công ty quan tâm sâu sát đến đời sống của cán bộ nhân viên, thường xuyên tham gia các chương trình thăm hỏi sinh con, ốm đau, hiếu hỷ...

Chính sách tuyển dụng

Công khai, minh bạch cùng với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp là căn cứ để tuyển dụng

Công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ được Ban lãnh đạo chú trọng, ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển. Đối với ứng viên từ bên ngoài, ABS ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm, các ứng viên tốt nghiệp học lực khá, giỏi các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước và được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.



Các ứng viên là sinh viên năm cuối luôn được chào đón tham gia chương trình "Thực tập sinh tài năng" để có cơ hội tự khẳng định bản thân và trở thành nhân viên chính thức của ABS.

Tại các tỉnh/thành trong nước có sự hiện diện của ABS, lao động địa phương được ưu tiên tuyển dụng bởi nền tảng am hiểu thị trường địa phương một cách cặn kẽ và sự gắn bó, tâm huyết của người lao động.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty, phát huy tối đa nguồn lực con người, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của Công ty



Năm 2019, cán bộ nhân viên ABS vẫn tích cực chủ động tham gia các khóa học về chứng khoán tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bên cạnh đó, các bộ phận trong công ty thường xuyên duy trì tổ chức đào tạo nội bộ nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu công việc như kỹ năng phân tích thị trường, kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, kỹ năng nghiệp vụ lưu ký... Nhờ đó, cán bộ nhân viên luôn đảm bảo được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên sâu về chuyên môn cũng như nghiệp vụ chứng khoán.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

▲7,44% **682.948.209.291**

Tổng giá trị tài sản 2019

635.649.562.580

Tổng giá trị tài sản 2018

▼-8% **78.449.368.927**

Doanh thu hoạt động 2019

85.348.977.957

Doanh thu hoạt động 2018

▲97,49% **22.774.589.145**

Lợi nhuận từ hoạt động
kinh doanh 2019

11.531.753.159

Lợi nhuận từ hoạt động
kinh doanh 2018

▲186,30% **262.776.256**

Kết quả hoạt động khác 2019

-304.495.191

Kết quả hoạt động khác 2018

▲105% **23.037.365.401**

Lợi nhuận trước thuế 2019

11.227.257.968

Lợi nhuận trước thuế 2018

▲106% **18.371.070.195**

Lợi nhuận sau thuế 2019

8.921.167.133

Lợi nhuận sau thuế 2018

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,18	2,25	
Hệ số thanh toán ngắn hạn $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	2,18	2,25	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,352	0,334	
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,54	0,50	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản	0,11	0,13	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	0,2	0,1	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,04	0,02	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,03	0,01	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu hoạt động	0,29	0,14	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần	39.700.000 cổ phần
Loại cổ phần	Toàn bộ là Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	28.184.397 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	11.515.603 cổ phần (phong tỏa theo yêu cầu của chủ sở hữu)

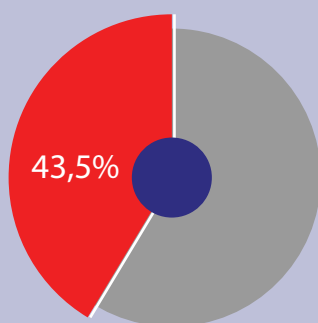
Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) là 06 cổ đông, cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) là 49 cổ đông

Cổ đông lớn

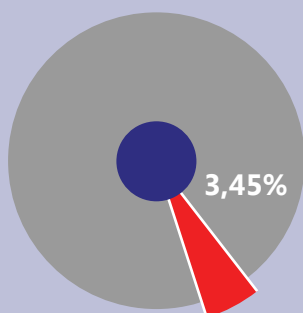
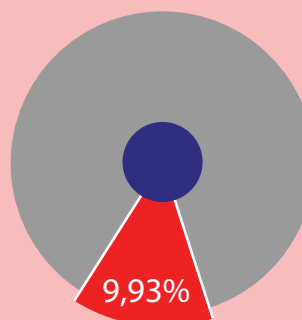
STT	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	43,5%	172.705.620.000
2	Vũ Đức Chính	25/61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	5,2%	172.705.620.000
3	Nguyễn Văn Anh	Số 187 Đại La, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6,76%	26.840.950.000
4	Công ty Cổ phần TBIC	Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	9,93%	39.438.530.000
5	Nguyễn Thị Thu Hường	P06, tầng 27, tòa T4 Times City, 458 Minh Khai, Hà Nội	9,57%	37.715.000.000
6	Chu Văn Mân	Số 28G, ngõ 105 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	9,5%	37.715.000.000
7	Các cổ đông khác		15,54%	63.625.850.000
	Tổng cộng		100%	397.000.000.000

Cổ đông tổ chức



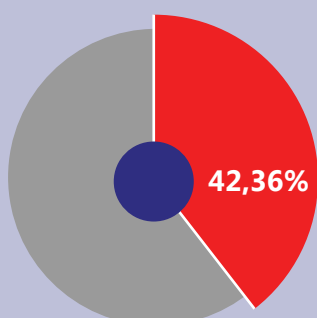
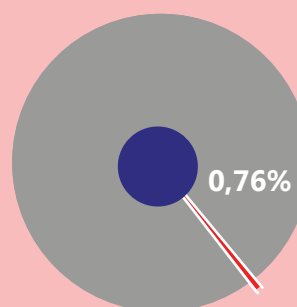
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP, ĐKKD số 0100514947 do Sở KH - ĐT Hà Nội cấp 13/04/2007, sửa đổi bổ sung lần thứ 16 ngày 15/06/2017. Địa chỉ: 36 Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội. Tỷ lệ góp vốn: 43,5%. Mức góp vốn: 172.705.620.000 đồng

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thái Bình, ĐKKD số 2300740922 do Sở KH - ĐT Hà Nội cấp 18/06/2012, sửa đổi bổ sung ngày 23/11/2017. Địa chỉ: Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội. Tỷ lệ góp vốn: 9,93%. Mức góp vốn: 39.438.530.000 đồng



Công ty TNHH MTV QL Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình, ĐKKD số 0104394729 do Sở KH - ĐT Hà Nội cấp ngày 18/01/2010, sửa đổi bổ sung ngày 3/6/2015. Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà GELEXIMCO, 36 Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội. Tỷ lệ góp vốn: 3,45%. Mức góp vốn: 13.700.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần nguyên liệu giấy An Hòa Tuyên Quang. Mã số DN 5000294366 do Sở KH - ĐT Tuyên Quang cấp lần đầu 23/06/2008; thay đổi lần thứ 5: 07/11/2019. Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tỷ lệ góp vốn: 0,76%
Mức góp vốn: 3.000.000.000 đồng



Các cổ đông cá nhân khác
Tỷ lệ góp vốn: 42,36%
Mức góp vốn: 168.155.850.000 đồng

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 03/7/2019 cổ đông lớn là Nguyễn Văn Trung thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty CP chứng khoán An Bình.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác:

- Tên Trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
- Mã Trái phiếu: ABS.BOND.2019
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/ Trái Phiếu
- Kỳ hạn: 1 năm
- Lãi suất: cố định 9,5%/ năm
- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/ TP
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ theo phương thức bán lẻ trái phiếu
- Đối tượng chào bán: Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động
- Thời gian phát hành: Phát hành thành 03 đợt, bắt đầu từ tháng 4 năm 2019
- Số lượng Trái phiếu tại ngày 31/12/2019: 27.520 trái phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá đã phát hành tại ngày 31/12/2019: 30.220.000.000 đồng

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

ABS luôn ý thức được việc giữ gìn môi trường công sở XANH – SẠCH – CHUYÊN NGHIỆP

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, do vậy các sản phẩm dịch vụ của ABS không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Từ khi hoạt động đến nay, ABS chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ quy định về môi trường. Tuy nhiên, ABS luôn theo dõi và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các vấn đề về môi trường. Bên cạnh đó, với mục tiêu chung tay xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, các cán bộ nhân viên ABS luôn ý thức được việc giữ gìn môi trường công sở XANH – SẠCH – CHUYÊN NGHIỆP, cùng với đó là các hoạt động được duy trì thường xuyên như sử dụng tiết kiệm điện, không lãng phí các văn phòng phẩm,...

Hoạt động bảo vệ môi trường không chỉ được thể hiện trong văn phòng công ty mà còn được các cán bộ nhân viên chung tay góp sức tại các địa điểm du lịch. Trong ngày 20/07, với khẩu hiệu “Đứng dậy bước đi, ngại gì rác bẩn”, các nhân viên đã cùng nhau thu nhặt các vỏ chai, vỏ lon, túi nilon,... tại Vườn quốc gia Cát Bà và bãi biển Cát Bà nhân chuyến tham quan tại đây. Hành động này không chỉ nhận được sự hưởng ứng của các thành viên tham gia mà còn có sự tham gia cùng của khách du lịch và người dân địa phương.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

ABS luôn nỗ lực hết mình và mang đến giá trị cho cộng đồng các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán



Với bề dày kinh nghiệm của cán bộ nhân viên tại ABS, trong năm 2019 đã cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính, định giá doanh nghiệp... với độ tin cậy cao, đem đến sự hài lòng cho các khách hàng là tổ chức trong nước. Bên cạnh đó, các sản phẩm phân tích, định giá cổ phiếu và các bài phân tích thị trường định kỳ hàng tuần luôn là những sản phẩm hữu ích giúp nhà đầu tư định hướng đúng đắn hơn trong các chiến lược đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2019, ABS đã tổ chức một số chương trình đào tạo, hội thảo tại một số tỉnh thành như Bắc Ninh, Hải Phòng; giúp các nhà đầu tư có thêm những kiến thức và kinh nghiệm từ thực tiễn trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

Các hoạt động chia sẻ vì cộng đồng cũng luôn được ABS chú trọng. Tiếp nối năm 2018, năm 2019 các cán bộ nhân viên ABS tiếp tục tham gia hoạt động truyền thống “Thương người như thể thương thân” hiến máu nhân đạo do Sở GD&ĐT Hà Nội tổ chức. Đây là hoạt động thường xuyên của Sở Hà Nội và đã trở thành một phong trào hết sức ý nghĩa trong ngành chứng khoán mà qua đó, các tình nguyện viên từ các công ty chứng khoán thành viên thường xuyên được gửi gắm sự quan tâm của mình đến cộng đồng.





***BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN
GIÁM ĐỐC***



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 là năm cả thuận lợi và khó khăn cho ABS trên cơ sở diễn biến của thị trường chứng khoán và tình trạng biến động nhân sự mạnh tại ABS.

Năm 2019 thị trường ghi nhận mức giảm ~ 43% về giá trị và khối lượng trên cả 2 sàn HNX và HSX (Không bao gồm giao dịch thỏa thuận). Tuy nhiên, BDH ABS nỗ lực tìm lối ra cho việc bù đắp các chỉ số doanh thu sụt giảm do sự biến động của thị trường. Do đó, kết quả cuối cùng ghi nhận ABS hoàn thành vượt chỉ tiêu về lợi nhuận do HĐQT giao.

Theo đó, doanh thu hoạt động kinh doanh trong kỳ đạt 78 tỷ tương ứng với 90% kế hoạch. Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí hoạt động) được kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả, đạt 98% so với kế hoạch. Chi phí kinh doanh đạt 62% so với kế hoạch và chỉ bằng 50% so với năm 2018. Năm 2019 ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng là 11,5 tỷ, và trích lập mới 4,5 tỷ. Bên cạnh đó, năm 2019 cũng ghi nhận các chỉ tiêu tài chính trọng yếu được cải thiện đáng kể như: tổng tài sản tăng 47,3 tỷ lên 683 tỷ, vốn chủ sở hữu tăng 20,6 tỷ lên 444 tỷ. Tỷ lệ an toàn tài chính luôn đảm bảo trên 200-230%. Đây là các chỉ tiêu tài chính được cải thiện tích cực, là điểm sáng trong năm tài chính 2019 đồng thời thể hiện hình ảnh bền vững của doanh nghiệp.

Mặc dù, thị trường CK cơ sở năm 2019 gặp nhiều khó khăn, đồng thời áp lực từ việc miễn phí giao dịch, và giảm lãi giao dịch ký quỹ từ các CTCK nước ngoài (lãi suất trung bình chỉ 10-11%), ABS không chỉ duy trì được doanh thu mà còn tăng trưởng chỉ tiêu dư nợ cho vay đạt 384 tỷ đồng (tăng 47 tỷ so với năm 2018) tạo ra 41,8 tỷ đồng doanh thu lãi vay. Việc cho vay giao dịch ký quỹ với thành tích như trên, đồng thời luôn kiểm soát rủi ro chặt chẽ, không phát sinh thêm nợ xấu được coi là nỗ lực đáng ghi nhận của ABS;

- Bổ sung thêm nghiệp vụ làm đa dạng nguồn thu kinh doanh của ABS bằng các giao dịch môi giới nguồn vốn và trái phiếu trong điều kiện khá hạn chế về năng lực nguồn vốn chủ sở hữu và sự cạnh tranh của các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Trong năm 2019, ABS đã thực hiện đàm phán và ký kết được nhiều hợp đồng giao dịch chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... góp phần

tạo ra 2,5 tỷ doanh thu cho hoạt động môi giới của ABS;

- Tích cực thu hồi nợ xấu: 23,8 tỷ đồng trong năm 2019;

- Hoạt động tư vấn, phát hành trái phiếu của khối Ngân hàng đầu tư tiếp tục duy trì và hiệu quả: tư vấn phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu cho Ngân hàng An Bình, 900 tỷ đồng trái phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương, 300 tỷ đồng trái phiếu cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Pịa, trái phiếu VIB...

Tổng kết lại năm 2019 công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 23,1 tỷ, hoàn thành vượt 15% so với kế hoạch HĐQT giao, và tăng 105% so với năm 2018. Mức lợi nhuận này phản ánh chính xác sự nỗ lực và cố gắng của Ban điều hành và CBNV trong suốt một năm 2019 đầy khó khăn và thách thức.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 31/12/2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả	2,99	2,85
Tổng tài sản ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn	2,25	2,18
Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn / Tổng tài sản	0,19	0,17
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,1	0,24
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,014	0,027
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,22	0,042

Cuối năm 2019, quy mô tổng tài sản của ABS biến động theo chiều hướng tích cực, tăng 7,4% so với cuối năm 2018, đạt gần 683 tỷ đồng. Hiệu quả sử dụng tài sản tăng gần gấp đôi so với năm 2018 khi ROA năm 2019 đạt 2,7%.

Tổng Nợ phải trả của ABS tăng 12,9%, giá trị tăng 27 tỷ đồng, tuy nhiên do tổng tài sản cũng tăng nên nợ phải trả vẫn giữ lệ hợp lý trong cơ cấu nguồn vốn, chiếm khoảng 35% tổng tài sản và chỉ bằng 54% vốn chủ sở hữu.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các biện pháp đổi ứng linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động phát triển kinh doanh với hiệu suất tối đa.

Trong năm 2019, nhận thức được những khó khăn, thách thức của nền kinh tế toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng cũng như các biến động của thị trường chứng khoán, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các biện pháp đổi ứng linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động phát triển kinh doanh với hiệu suất tối đa.

Tiếp tục duy trì Cơ cấu tổ chức và Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc ABS theo Nghị quyết 37/NQ- HĐQT2018 ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mỗi bộ phận hợp lý và hiệu quả nhất. Nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động được

quy định rõ trong Quyết định 76/QĐ-TGD2018 ban hành ngày 16 tháng 07 năm 2018 của Tổng giám đốc. Nội quy này phù hợp với Bộ Luật Lao động hiện hành và đảm bảo cho người lao động được làm việc trong một môi trường có kỷ luật, có trách nhiệm và công bằng.

Thực hiện rà soát lại toàn bộ hệ thống Quy trình, Quy chế, ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của cơ chế chính sách pháp luật và phù hợp hơn với đường lối hoạt động kinh doanh của công ty.

Thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng nhân viên và mức độ hoàn thành công việc nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ CBNV.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Các điểm mạnh và thuận lợi

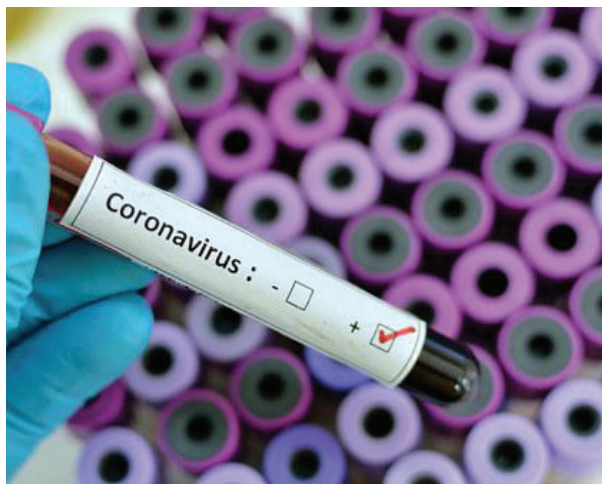
Tính đến 31/12/2019, số điểm giao dịch của ABS là 9 điểm gồm:

- Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Thái Bình, Bắc Ninh, Huế, Cần Thơ.
- Các phòng môi giới trực thuộc Hội sở: Phòng giao dịch Hoàng Cầu, Phòng giao dịch Láng Hạ, Phòng môi giới số 8 và Phòng môi giới số 9. Đi vào hoạt động được 13 năm nên ABS cơ bản có nền tảng hoạt động tốt. Thị phần ước tính là 0,5% giá trị toàn thị trường cùng với số lượng tài khoản khoảng 33.400 tài khoản là cơ sở để mang lại nguồn thu ổn định từ hoạt động kinh doanh cốt lõi là doanh thu phí giao dịch và lãi vay từ hoạt động giao dịch ký quỹ và ứng trước.

Số lượng nhân viên của ABS tính đến thời điểm 31/12/2019 là 93 người. Số lượng nhân sự này cơ bản phù hợp với qui mô quản trị của ABS và cũng tương đương với các công ty có cùng qui mô về vốn.

ABS có được sự hỗ trợ rất tốt từ các Thành viên HĐQT và các công ty thành viên trong Tập đoàn Geleximco.

Các điểm yếu và khó khăn



Tình hình thế giới: Năm 2020 tiếp tục được dự báo là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Năm 2019 chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường (thị trường CKVN giảm 35% giá trị so với 2018). Năm 2020 dự báo về căng thẳng vũ trang Mỹ - Iraq có thể leo thang thành chiến tranh sẽ khiến thị trường chứng khoán thế giới

cũng như Việt Nam gặp ảnh hưởng nặng nề khi dòng tiền có xu hướng chảy về nơi an toàn: vàng, dầu. Cuối năm 2019 đến đầu 2020 thế giới đối mặt với tình hình dịch bệnh Covid-19 từ Trung quốc, dự báo nền kinh tế Trung Quốc thiệt hại nặng nề. Việc này về ngắn và trung hạn cũng ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Mức độ cạnh tranh: Mức độ cạnh tranh trên thị trường đến từ các CTCK có vốn nước ngoài ngày càng nhiều. Năm 2019 các tập đoàn tài chính Hàn Quốc tiếp tục làn sóng mua lại các công ty chứng khoán tại Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp và khá lớn đến top 10 công ty chứng khoán hiện nay. ABS đương nhiên cũng phải chịu ảnh hưởng gắt gao hơn từ việc cạnh tranh này. Nếu từ 2017 trở về trước, trên thị trường chỉ cạnh tranh giữa top 10 CTCK hàng đầu và các công ty còn lại, thì từ năm 2017 đến nay, các công ty chứng khoán nhỏ và vừa chịu áp lực từ 2 làn sóng cạnh tranh: top 10 CTCK hàng đầu và top các CTCK có vốn nước ngoài.



Vốn và Nguồn vốn: Vốn điều lệ 397 tỷ VNĐ của ABS được xếp vào nhóm các công ty có vốn trung bình, sau 34 công ty có vốn trên 500 tỷ VNĐ, cùng nhóm với 15 công ty có vốn từ 300 – 500 tỷ VNĐ. Vốn khả dụng ~ 170 tỷ VNĐ nên thường xuyên phải huy động thêm vốn vay cho dịch vụ giao dịch ký quỹ. Quy mô nguồn vốn không đáp ứng được yêu cầu về vốn để triển khai giao dịch phái sinh, chứng quyền cũng như đáp ứng nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ hiện tại. Do phần lớn nguồn phải huy động nên chi phí nguồn cao trong điều kiện các công ty chứng khoán lớn và công ty nước ngoài với chi phí vốn thấp và rẻ là một trong những khó khăn đáng kể của ABS.

Đội ngũ nhân sự: Đội ngũ nhân sự môi giới còn thiếu, hoạt động tuyển dụng môi giới khó khăn do thương hiệu công ty và chính sách với môi giới chưa nổi trội so với các công ty chứng khoán mới trên thị trường, đồng thời vốn điều lệ nhỏ cũng khiến thương hiệu của ABS khó khăn hơn khi tuyển dụng.

- Đội ngũ nhân sự back thường xuyên biến động lớn do đặc điểm chung của ngành chứng khoán và ngân hàng. Do vậy, đội ngũ này thường xuyên phải tuyển dụng dẫn đến việc nhân sự trẻ, thiếu kinh nghiệm là 1 trong những hạn chế trong vấn đề nhân sự của ABS.

Căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của ABS trên thị trường chứng khoán Việt Nam, căn cứ định hướng chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc ABS xác định rõ năm 2020 sẽ triển khai theo định hướng phát triển như sau:

- Tăng cường thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ khác: giao dịch chứng chỉ tiền gửi, cầm nắm giữ hộ trái phiếu, cổ phiếu... nhằm đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục duy trì hoạt động môi giới bán lẻ, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục phát huy và triển khai các chương trình hiệp lực chung cùng tập đoàn nhằm đạt được mục tiêu hiệu quả và gắn kết.
- Tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động tín dụng và cho vay thông qua việc: mở rộng quy mô cho vay, thúc đẩy các hoạt động tạo nguồn, tăng cường quản lý rủi ro và các biện pháp kiểm soát cho vay.
- Tiếp tục đầu tư phát triển công nghệ giao dịch, công nghệ online, quản lý và vận hành các thiết bị CNTT, hệ thống giao dịch, tổng đài, internet, kết nối tới các Sở đảm bảo thông suốt, tốc độ và bảo mật.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ABS hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, do đó các sản phẩm dịch vụ của Công ty không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các tác động gián tiếp đến môi trường, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng điện, nước và các văn phòng phẩm.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2019, nhân sự các Khối hỗ trợ tại Công ty không có biến động nhiều. Nhân sự thuộc các Khối Kinh doanh có nhiều biến động do Ban Lãnh đạo công ty tập trung phát triển kinh doanh, đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự trong lĩnh vực môi giới và tư vấn đầu tư.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp với các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định./.

ĐIỆN			NƯỚC		
Số điện đã tiêu thụ (KW)	Đơn giá BQ	Số tiền (VNĐ)	Số nước đã tiêu thụ (m3)	Đơn giá BQ	Số tiền (VNĐ)
288.979,72	2.753,3	795.647.870	350,11	14.707	5.149.218
Tổng tiền điện		795.647.870	Tổng tiền nước		5.149.218



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đầu năm 2019, Thị trường chứng khoán VN tương đối khởi sắc, chỉ số VN-Index liên tục đi lên mạnh mẽ và vượt ngưỡng tâm lý quan trọng 1.000 điểm chỉ sau chưa đến 3 tháng. Tuy nhiên, sự hưng phấn không duy trì được lâu, thị trường bước vào nhịp điều chỉnh sâu, thậm chí có thời điểm rơi xuống sát mốc 940 điểm. Từ vùng đáy, thị trường bắt đầu ổn định trở lại và dần diễn biến tích cực hơn. VN-Index liên tục dao động với biên độ hẹp dần tạo thế tích lũy trong xu hướng đi lên và có lần thứ 2 chinh phục ngưỡng 1.000 điểm vào cuối tháng 10 và áp lực chốt lời mạnh tại vùng kháng cự kỹ thuật 1.020 điểm khiến VN-Index mất đà và rơi sâu về vùng 950 điểm.

Trong bối cảnh đó, căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của

ABS, Hội đồng quản trị ABS đã đề ra phương hướng, chiến lược phù hợp để Ban điều hành chủ động triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả nhất, cụ thể:

- Doanh thu: 78.449.368.927 đồng
- Chi phí hoạt động: 19.223.012.032 đồng
- Chi phí quản lý: 36.188.991.494 đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 23.037.365.401 đồng (đạt 115,2% so với kế hoạch).

Lợi nhuận năm 2019 được mang lại từ các hoạt động kinh doanh chính như: môi giới chứng khoán, cung cấp sản phẩm tài chính hỗ trợ cho các nhà đầu tư, đầu tư chứng khoán, góp vốn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào kết quả thực tế tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Với sự nỗ lực của Ban Điều hành trong việc thực hiện quyết liệt các giải pháp chiến lược, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 do Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành;
- Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trình Hội đồng Quản trị; nghiêm túc và nỗ lực triển khai một cách có hiệu quả các chủ trương chính sách và các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị;
- Chủ động trong việc tuyển dụng, thu hút và bồi dưỡng đội ngũ nhân sự có chất lượng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động

kinh doanh của Công ty;

- Mặc dù tình hình kinh doanh có nhiều biến động, Công ty đã giữ vững và tăng thị phần đối với nhiều nhóm sản phẩm chủ chốt, đồng thời mở rộng và tăng sự vững mạnh mạng lưới phân phối và cơ bản đã đạt được các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra;
- Trong năm 2019 đã triển khai thực hiện thành công dự án trang bị hệ thống máy chủ, góp phần an toàn cho hệ thống công nghệ thông tin, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và theo hướng hiện đại hóa;
- Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng và triển khai có hiệu quả;
- Tích cực, chủ động và triển khai có hiệu quả hoạt động xử lý nợ khó đòi phát sinh từ các năm trước. Đã thu hồi và xử lý cơ bản các khoản nợ tồn đọng trong nhiều năm qua, góp phần đảm bảo an toàn tình hình tài chính của Công ty;
- Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Quyết định và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên những dự báo thị trường chứng khoán năm 2020 (thuận lợi, khó khăn), điểm mạnh, điểm yếu của ABS, Hội đồng quản trị xác định phương hướng kinh doanh chung của ABS như sau:

- Tiếp tục duy trì hoạt động môi giới bán lẻ, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh.
 - Phát triển hoạt động ngân hàng đầu tư, trong đó phát triển thị trường ngách (thị trường trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp và thứ cấp); qua đó đẩy mạnh hoạt động tư vấn trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu...
- Theo đó, năm 2020 sẽ tập trung vào các nghiệp vụ sau:
- Đẩy mạnh các hoạt động bán chéo khai thác khách hàng trong Tập đoàn Geleximco.
 - Tập trung tăng trưởng giao dịch ký quỹ, kiểm soát rủi ro tối đa, hạn chế phát sinh nợ xấu.
 - Tăng cường thúc đẩy các hoạt động nghiệp vụ khác: giao dịch chứng chỉ tiền gửi, cầm nắm giữ hộ trái phiếu, cổ phiếu.

Căn cứ trên tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty, Hội đồng quản trị thông qua chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2020 là 20 tỷ đồng để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT căn cứ thực tế tình hình thị trường có thể điều chỉnh lại các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 cho phù hợp. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cụ thể như sau:

- | | |
|----------------------|-------------|
| - Doanh thu: | 87 tỷ đồng; |
| - Chi phí hoạt động: | 32 tỷ đồng; |
| - Chi phí quản lý: | 35 tỷ đồng; |
| - Lợi nhuận: | 20 tỷ đồng; |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên
Bà Trần Kim Khánh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/03/2019
Bà Giang Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/03/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hương	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Quang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 322/BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Trần Trí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0895-2018-126-1

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		523,993,043,124	478,393,536,918
110	I. Tài sản tài chính		521,427,391,111	473,850,237,106
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	35,225,128,890	32,455,984,291
111.1	1.1 Tiền		34,914,828,890	32,165,984,291
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		310,300,000	290,000,000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	83,459,238,292	86,769,657,354
114	4. Các khoản cho vay	5	384,525,157,266	337,536,751,513
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(18,507,844,370)	(25,555,765,576)
117	7. Các khoản phải thu	7	33,716,373,152	37,666,675,000
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		33,716,373,152	37,646,375,000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	20,300,000
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		-	20,300,000
118	8. Trả trước cho người bán		2,220,300,600	165,319,000
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2,296,245,948	2,457,709,632
122	12. Các khoản phải thu khác	7	2,010,641,553	5,871,756,112
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3,517,850,220)	(3,517,850,220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2,565,652,013	4,543,299,812
131	1. Tạm ứng		98,151,000	838,298,100
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1,891,409,873	2,903,319,486
136	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	401,747,292
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		576,091,140	399,934,934
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		158,955,166,167	157,256,025,662
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		10,800,000,000	9,600,000,000
212	2. Các khoản đầu tư	9	10,800,000,000	9,600,000,000
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		10,800,000,000	9,600,000,000
220	II. Tài sản cố định		131,064,594,948	132,306,022,764
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1,988,773,349	2,398,073,609
222	- Nguyên giá		15,543,351,913	15,264,168,424
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,554,578,564)	(12,866,094,815)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	129,075,821,599	129,907,949,155
228	- Nguyên giá		157,496,618,798	157,496,618,798
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28,420,797,199)	(27,588,669,643)
250	V. Tài sản dài hạn khác		17,090,571,219	15,350,002,898
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		855,258,200	843,605,000
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	16,235,313,019	14,506,397,898
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		682,948,209,291	635,649,562,580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)*

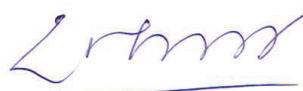
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		240,173,217,717	212,385,685,038
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		240,173,217,717	212,385,685,038
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	199,892,189,825	160,314,320,109
312	1.1 Vay ngắn hạn		199,892,189,825	160,314,320,109
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14	30,220,000,000	26,487,000,000
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1,666,456,231	1,055,096,221
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		392,496,075	452,382,506
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		70,802,499	381,371,481
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2,151,791,400	674,053,010
323	11. Phải trả người lao động		892,500,858	956,865,383
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		19,005,400	21,267,200
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4,468,325,197	1,733,431,617
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		156,000,000	156,000,000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	243,650,232	20,153,897,511
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		442,774,991,574	423,263,877,542
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	442,774,991,574	423,263,877,542
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397,000,000,000	397,000,000,000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(9,200,000,000)	(10,400,000,000)
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5,315,204,926	4,869,146,569
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5,315,204,926	4,869,146,569
417	7. Lợi nhuận chưa phân phối		44,344,581,722	26,925,584,404
417.1	7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		52,428,893,412	35,913,526,111
417.2	7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8,084,311,690)	(8,987,941,707)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		682,948,209,291	635,649,562,580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	50,180,420,000	47,291,280,000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		-	190,000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	64,075,470,137	47,363,120,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	4,970,746,940,000	4,039,556,220,000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		3,998,467,470,000	3,277,536,190,000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		16,730,220,000	20,864,230,000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		921,483,920,000	720,760,420,000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		105,540,000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		33,959,790,000	20,395,380,000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	12,574,280,000	1,158,540,000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		12,284,280,000	1,088,540,000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		290,000,000	70,000,000
026	7. Tiền gửi của khách hàng	24	354,503,529,598	152,465,894,793
027	7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		354,496,863,448	152,459,228,643
030	7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		6,666,150	6,666,150
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	354,496,863,448	152,459,228,643
031.1	8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		354,496,863,448	152,459,228,643
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	6,666,150	6,666,150


Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởngTrương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5,266,752,336	7,440,997,532
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	3,050,516,091
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	28.b)	1,079,724,051
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.c)	1,136,512,194
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.c)	41,800,739,476
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		21,130,711,406
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1,427,572,211
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2,395,879,226
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		3,854,981,818
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	28.d)	2,262,502,352
20	Cộng doanh thu hoạt động		78,139,138,825	85,223,958,993
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3,016,981,052	4,576,526,253
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	2,840,887,018
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	28.b)	176,094,034
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	2,790,086,229	15,814,788,707
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	182,342,736	148,970,363
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	9,867,220,439	12,049,066,130
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	156,600,000	4,799,500,000
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,676,786,264	1,876,354,934
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1,490,344,084	548,691,001
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	29	6,028,406
40	Cộng chi phí hoạt động		19,186,389,210	39,832,077,506

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

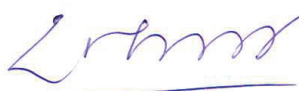
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
44	3.1 Doanh thu khác về đầu tư		10,831,024	125,018,964
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		10,831,024	125,018,964
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	36,188,991,494	33,985,147,292
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		22,774,589,145	11,531,753,159
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	31	299,399,078	8,209,778,142
72	8.2 Chi phí khác	32	36,622,822	8,514,273,333
80	Cộng kết quả hoạt động khác		262,776,256	(304,495,191)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		23,037,365,401	11,227,257,968
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		22,133,735,384	11,778,398,408
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		903,630,017	(551,140,440)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	4,666,295,206	2,306,090,835
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		4,666,295,206	2,306,090,835
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		18,371,070,195	8,921,167,133
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		903,630,017	(551,140,440)
400	Tổng thu nhập toàn diện		903,630,017	(551,140,440)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	463	225



Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập



Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		23,037,365,401	11,227,257,968
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		3,555,075,706	16,736,786,467
03	- Khấu hao tài sản cố định		1,659,858,916	1,683,934,433
04	- Các khoản dự phòng		(7,047,921,206)	5,734,445,507
06	- Chi phí lãi vay		9,838,007,438	10,080,343,200
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(64,338,318)
08	- Dự thu tiền lãi		(894,869,442)	(697,598,355)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		176,094,034	3,701,159,041
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		176,094,034	3,701,159,041
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(1,079,724,051)	(3,150,018,601)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1,079,724,051)	(3,150,018,601)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(65,812,105,107)	(77,810,443,333)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		4,214,049,079	(3,116,273,386)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(46,988,405,753)	(60,310,690,916)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		3,930,001,848	(20,515,949,440)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		20,300,000	1,109,376,500
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		161,463,684	(255,749,536)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		1,629,976,753	(866,883)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		740,147,100	(179,857,100)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		2,734,893,580	335,880,831
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1,011,909,613	(1,371,902,874)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3,001,504,817)	(2,311,609,339)
44	- Lãi vay đã trả		(9,838,007,438)	(10,589,327,964)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(59,886,431)	288,729,668
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(2,261,800)	4,807,280
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		154,739,130	(179,881,755)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(64,364,525)	87,158,681
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(19,609,456,251)	20,688,261,366
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		894,869,442	1,370,679,813
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,740,568,321)	(2,863,228,279)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(40,123,294,017)	(49,295,258,458)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(418,431,100)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	8,892,035,500
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(418,431,100)	8,892,035,500
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		11,855,465,584,010	12,935,544,357,270
73.2	3.2 Tiền vay khác		11,855,465,584,010	12,935,544,357,270
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(11,812,154,714,294)	(12,932,664,651,580)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(11,812,154,714,294)	(12,932,664,651,580)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		43,310,869,716	2,879,705,690
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		2,769,144,599	(37,523,517,268)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		32,455,984,291	69,979,501,559
101.1	- Tiền		32,165,984,291	29,689,501,559
101.2	- Các khoản tương đương tiền		290,000,000	40,290,000,000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		35,225,128,890	32,455,984,291
103.1	- Tiền		34,914,828,890	32,165,984,291
103.2	- Các khoản tương đương tiền		310,300,000	290,000,000

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		5,307,385,618,400	7,733,492,523,400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(6,133,618,574,400)	(7,698,982,121,050)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1,030,666,470,031	(110,689,994,297)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(2,395,879,226)	(2,062,601,932)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		158,859,833,295	189,872,284,343
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(158,859,833,295)	(189,872,284,343)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		202,037,634,805	(78,242,193,879)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		152,465,894,793	230,708,088,672
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		152,465,894,793	230,708,088,672
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		152,459,228,643	230,701,422,522
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6,666,150	6,666,150
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		354,503,529,598	152,465,894,793
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		354,503,529,598	152,465,894,793
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		354,496,863,448	152,459,228,643
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6,666,150	6,666,150


Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập


Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Năm 2018		Số tăng/giảm		Năm 2019		Số dư cuối năm	
		01/01/2018		01/01/2019		Tăng		Giảm		12/31/2018	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000							397,000,000,000	397,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397,000,000,000	397,000,000,000							397,000,000,000	397,000,000,000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	(10,400,000,000)								(9,200,000,000)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4,483,556,057	4,869,146,569			385,590,512				4,869,146,569	5,315,204,926
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4,483,556,057	4,869,146,569			385,590,512				4,869,146,569	5,315,204,926
7. Lợi nhuận chưa phân phối		18,775,598,295	26,925,584,404			8,921,167,133				26,925,584,404	44,344,581,722
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		27,212,399,562	35,913,526,111			9,472,307,573				35,913,526,111	52,428,893,412
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8,436,801,267)	(8,987,941,707)			(551,140,440)				(8,987,941,707)	(8,084,311,690)
TỔNG CỘNG		424,742,710,409	423,263,877,542			9,692,348,157	11,171,181,024	25,063,186,909	5,552,072,877	423,263,877,542	442,774,991,574



Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập



Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng

Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*a) Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Upcom là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL vào Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả các chi nhánh CTV của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

Quỹ	Mức trích từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Các khoản thuế**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	9,257,158	3,431,170,665,607
- Cổ phiếu	3,275,410	93,717,337,267
- Trái phiếu	5,001,148	1,602,980,500,000
- Chứng khoán khác	980,600	1,734,472,828,340
Của nhà đầu tư	741,077,537	11,785,872,660,300
- Cổ phiếu	738,074,837	11,478,292,606,800
- Trái phiếu	3,000,000	307,539,500,000
- Chứng khoán khác	2,700	40,553,500
	750,334,695	15,217,043,325,907

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	34,914,828,890	32,165,984,291
Các khoản tương đương tiền	310,300,000	290,000,000
	35,225,128,890	32,455,984,291

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	32,711,176,889	25,777,001,400	35,063,555,265	27,467,087,150
Cổ phiếu chưa niêm yết	42,940,842,956	41,790,706,755	60,382,836,947	58,991,363,355
Trái phiếu	15,891,530,137	15,891,530,137	311,206,849	311,206,849
	91,543,549,982	83,459,238,292	95,757,599,061	86,769,657,354

b) Các khoản cho vay

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Hoạt động margin	335,185,800,563	317,657,785,555
Hoạt động ứng trước tiền bán	49,339,356,703	19,878,965,958
	384,525,157,266	337,536,751,513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)**

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	91,543,549,982	95,757,599,061	83,459,238,292	86,769,657,354	54,648,633	92,481,942	(8,138,960,323)	(9,080,423,649)	83,459,238,292	86,769,657,354
Cổ phiếu niêm yết	32,711,176,889	35,063,555,265	25,777,001,400	27,467,087,150	54,648,633	92,481,942	(6,988,824,122)	(7,688,950,057)	25,777,001,400	27,467,087,150
- SHN	27,467,958,457	27,467,958,457	21,069,321,000	21,609,568,400	-	-	(6,398,637,457)	(5,858,390,057)	21,069,321,000	21,609,568,400
- VGC	2,430,186,665	7,290,560,000	1,840,000,000	5,460,000,000	-	-	(590,186,665)	(1,830,560,000)	1,840,000,000	5,460,000,000
- BVH	2,650,443,509	1,819,330	2,683,769,200	2,492,000	33,325,691	672,670	-	-	2,683,769,200	2,492,000
- Cổ phiếu lẻ khác	162,588,258	303,217,478	183,911,200	395,026,750	21,322,942	91,809,272	-	-	183,911,200	395,026,750
Cổ phiếu chưa niêm yết	42,940,842,956	60,382,836,947	41,790,706,755	58,991,363,355	-	-	(1,150,136,201)	(1,391,473,592)	41,790,706,755	58,991,363,355
- BSR	850,208,903	3,417,839,811	410,000,000	2,733,600,000	-	-	(440,208,903)	(684,239,811)	410,000,000	2,733,600,000
- Công ty CP Giấy An Hòa	7,700,000,000	22,600,000,000	7,700,000,000	22,600,000,000	-	-	-	-	7,700,000,000	22,600,000,000
- Ngân hàng TMCP An Bình	25,114,006,552	25,114,006,552	25,114,006,552	25,114,006,552	-	-	-	-	25,114,006,552	25,114,006,552
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình	4,042,300,000	4,021,450,000	4,042,300,000	4,021,450,000	-	-	-	-	4,042,300,000	4,021,450,000
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	3,230,000,000	3,230,000,000	3,230,000,000	3,230,000,000	-	-	-	-	3,230,000,000	3,230,000,000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957,605,000	957,605,000	957,605,000	957,605,000	-	-	-	-	957,605,000	957,605,000
- Khác	1,046,722,501	1,041,935,584	336,795,203	334,701,803	-	-	(709,927,298)	(707,233,781)	336,795,203	334,701,803
Trái phiếu chưa niêm yết	15,891,530,137	311,206,849	15,891,530,137	311,206,849	-	-	-	-	15,891,530,137	311,206,849
- Trái phiếu khác	15,891,530,137	311,206,849	15,891,530,137	311,206,849	-	-	-	-	15,891,530,137	311,206,849
	91,543,549,982	95,757,599,061	83,459,238,292	86,769,657,354	54,648,633	92,481,942	(8,138,960,323)	(9,080,423,649)	83,459,238,292	86,769,657,354

Ghi chú:

(*) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	18,507,844,370	25,555,765,576
Tại ngày 31/12	18,507,844,370	25,555,765,576

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	33,716,373,152	37,646,375,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	20,300,000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2,296,245,948	2,457,709,632
Phải thu khác	2,010,641,553	5,871,756,112
	38,023,260,653	45,996,140,744

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3,517,850,220	3,517,850,220
Tại ngày 31/12	3,517,850,220	3,517,850,220

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này				Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối năm VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3,517,850,220	(3,517,850,220)	-	-	(3,517,850,220)	(3,517,850,220)
- Nguyễn Hoài Anh	1,390,282,667	(1,390,282,667)	-	-	(1,390,282,667)	(1,390,282,667)
- Mai Mỹ Trang	1,186,912,000	(1,186,912,000)	-	-	(1,186,912,000)	(1,186,912,000)
- Khách hàng khác	940,655,553	(940,655,553)	-	-	(940,655,553)	(940,655,553)
	3,517,850,220	(3,517,850,220)	-	-	(3,517,850,220)	(3,517,850,220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	10,800,000,000	9,600,000,000
	10,800,000,000	9,600,000,000

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu này được Công ty phân loại là Tài sản tài chính AFS với mục đích đầu tư dài hạn. Ngày 07/8/2018 cổ phiếu này đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom với mã giao dịch là EVF. Giá trị chênh lệch khoản đầu tư AFS dài hạn được ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2019.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	220,000,001	13,134,715,423	1,909,453,000	15,264,168,424
Mua trong năm	-	418,431,100	-	418,431,100
Thanh lý, nhượng bán	-	(139,247,611)	-	(139,247,611)
Tại ngày 31/12/2019	220,000,001	13,413,898,912	1,909,453,000	15,543,351,913
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	188,935,212	11,426,518,000	1,250,641,603	12,866,094,815
Khấu hao trong năm	31,064,789	691,368,575	105,297,996	827,731,360
Thanh lý, nhượng bán	-	(139,247,611)	-	(139,247,611)
Tại ngày 31/12/2019	220,000,001	11,978,638,964	1,355,939,599	13,554,578,564
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	31,064,789	1,708,197,423	658,811,397	2,398,073,609
Tại ngày 31/12/2019	-	1,435,259,948	553,513,401	1,988,773,349

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.853.891.755 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	125,000,000,000	32,496,618,798	157,496,618,798
Tại ngày 31/12/2019	125,000,000,000	32,496,618,798	157,496,618,798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	-	27,588,669,643	27,588,669,643
Khấu hao trong năm	-	832,127,556	832,127,556
Tại ngày 31/12/2019	-	28,420,797,199	28,420,797,199
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	125,000,000,000	4,907,949,155	129,907,949,155
Tại ngày 31/12/2019	125,000,000,000	4,075,821,599	129,075,821,599

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	14,522,845,222	13,688,799,543
Tiền lãi phân bổ trong năm	1,592,467,797	697,598,355
Số dư cuối năm	16,235,313,019	14,506,397,898

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2019	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	160,314,320,109	11,823,745,584,010	11,784,167,714,294	199,892,189,825
Ngân hàng TMCP				
An Bình ⁽¹⁾	160,314,320,109	11,823,745,584,010	11,784,167,714,294	199,892,189,825
	160,314,320,109	11,823,745,584,010	11,784,167,714,294	199,892,189,825

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Vay ngân hàng TMCP An Bình bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

14 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH**Trái phiếu thường**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Trái phiếu phát hành	30,220,000,000			26,487,000,000		
- Loại phát hành theo mệnh giá	30,220,000,000	9,5%, 10%	12 tháng	26,487,000,000	10.0%	12 tháng
	30,220,000,000			26,487,000,000		

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	611,823,175	279,025,360
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	174,491,857	185,327,730
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	880,141,199	590,743,131
	1,666,456,231	1,055,096,221

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	158,732,000	73,586,558
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,322,999,260	-
Thuế Thu nhập cá nhân	652,087,864	600,466,452
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17,972,276	-
	2,151,791,400	674,053,010

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1,652,100,755	1,244,437,598
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	2,816,224,442	488,994,019
	4,468,325,197	1,733,431,617

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**Ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình	-	20,000,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243,650,232	153,897,511
	243,650,232	20,153,897,511

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Tập đoàn Geleximco - CTCP	43.50%	172,705,620,000	43.50%	172,705,620,000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9.93%	39,438,530,000	9.93%	39,438,530,000
Ngân hàng TMCP An Bình	0.00%	-	5.20%	20,650,000,000
Ông Chu Văn Mân	9.50%	37,715,000,000	9.50%	37,715,000,000
Ông Nguyễn Văn Anh	6.76%	26,840,950,000	6.76%	26,840,950,000
Ông Vũ Đức Chính	5.20%	20,650,000,000	0.00%	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	9.57%	38,002,500,000	0.00%	-
Ông Nguyễn Văn Trung	0.00%	-	9.50%	37,715,000,000
Vốn góp của cổ đông khác	15.53%	61,647,400,000	15.60%	61,934,900,000
	100%	397,000,000,000	100%	397,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	52,428,893,412	35,913,526,111
Lợi nhuận chưa thực hiện	(8,084,311,690)	(8,987,941,707)
	44,344,581,722	26,925,584,404

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	35,913,526,111	27,650,269,081
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm	(8,084,311,690)	(8,987,941,707)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm này tính từ đầu năm	17,467,440,178	9,472,307,573
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm	45,296,654,599	28,134,634,947
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	892,116,714	771,181,024
- Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	446,058,357	385,590,512
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	446,058,357	385,590,512

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397,000,000,000	397,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	397,000,000,000	397,000,000,000
- Vốn góp cuối năm	397,000,000,000	397,000,000,000

e) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,700,000	39,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,700,000	39,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,700,000	39,700,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,700,000	39,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,700,000	39,700,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	26,635,490,000	47,291,280,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	630,000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	23,153,100,000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	391,200,000	-
	50,180,420,000	47,291,280,000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	64,075,470,137	47,363,120,000
	64,075,470,137	47,363,120,000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3,998,467,470,000	3,277,536,190,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	16,730,220,000	20,864,230,000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	921,483,920,000	720,760,420,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	105,540,000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	33,959,790,000	20,395,380,000
	4,970,746,940,000	4,039,556,220,000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	12,284,280,000	1,088,540,000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	290,000,000	70,000,000
	12,574,280,000	1,158,540,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	354,496,863,448	152,459,228,643
1. Nhà đầu tư trong nước	354,476,723,128	152,440,125,084
2. Nhà đầu tư nước ngoài	20,140,320	19,103,559
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6,666,150	6,666,150
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6,666,150	6,666,150
	354,503,529,598	152,465,894,793

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	354,496,863,448	152,459,228,643
1.1. Nhà đầu tư trong nước	354,476,723,128	152,440,125,084
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	20,140,320	19,103,559
	354,496,863,448	152,459,228,643

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6,666,150	6,666,150
	6,666,150	6,666,150

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	335,185,800,563	317,657,785,555
1.1 Phải trả gốc margin	335,185,800,563	317,657,785,555
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>335,185,800,563</i>	<i>317,657,785,555</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	49,339,356,703	19,878,965,958
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	49,339,356,703	19,878,965,958
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>49,339,356,703</i>	<i>19,878,965,958</i>
	384,525,157,266	337,536,751,513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

28 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu	45,724,259,000	47,993,078,267	571,067,751	2,840,887,018	3,799,389,179	875,367,212
Chứng khoán khác	868,086,388,340	866,386,440,000	1,699,948,340	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	801,880,000,000	801,100,500,000	779,500,000	-	-	-
	1,715,690,647,340	1,715,480,018,267	3,050,516,091	2,840,887,018	3,799,389,179	875,367,212

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
FVTPL	91,543,549,982	83,459,238,292	(8,084,311,690)	(8,987,941,707)	903,630,017
Cổ phiếu niêm yết	32,711,176,889	25,777,001,400	(6,934,175,489)	(7,596,468,115)	662,292,626
- SHN	27,467,958,457	21,069,321,000	(6,398,637,457)	(5,858,390,057)	(540,247,400)
- VGC	2,430,186,665	1,840,000,000	(590,186,665)	(1,830,560,000)	1,240,373,335
- MBB	2,650,443,509	2,683,769,200	33,325,691	672,670	32,653,021
- Cổ phiếu lẻ khác	162,588,258	183,911,200	21,322,942	91,809,272	(70,486,330)
Cổ phiếu chưa niêm yết	42,940,842,956	41,790,706,755	(1,150,136,201)	(1,391,473,592)	241,337,391
- BSR	850,208,903	410,000,000	(440,208,903)	(684,239,811)	244,030,908
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	7,700,000,000	7,700,000,000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	25,114,006,552	25,114,006,552	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư An Bình	4,042,300,000	4,042,300,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3,230,000,000	3,230,000,000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957,605,000	957,605,000	-	-	-
- Khác	1,046,722,501	336,795,203	(709,927,298)	(707,233,781)	(2,693,517)
Trái phiếu chưa niêm yết	15,891,530,137	15,891,530,137	-	-	-
- Trái phiếu khác	15,891,530,137	15,891,530,137	-	-	-
	91,543,549,982	83,459,238,292	(8,084,311,690)	(8,987,941,707)	903,630,017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1,136,512,194	491,589,752
Từ các khoản cho vay	41,800,739,476	34,738,428,524
	42,937,251,670	35,230,018,276

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	2,262,502,352	3,405,116,417
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	544,636,364	453,484,545
- Doanh thu khác	1,717,865,988	2,951,631,872
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	2,262,502,352	3,405,116,417

29 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	6,028,406	18,180,118
- Chi phí khác	6,028,406	18,180,118
	6,028,406	18,180,118

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	21,291,957,621	19,080,016,238
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	1,217,050,351	1,186,799,964
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1,659,858,916	1,679,010,679
Chi phí thuế, phí và lệ phí	13,736,000	16,000,000
Chi phí khác	12,006,388,606	12,023,320,411
	36,188,991,494	33,985,147,292

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3,727,273	8,087,021,899
Các khoản khác	295,671,805	122,756,243
	299,399,078	8,209,778,142

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8,514,273,333
Các khoản bị phạt	17,972,276	-
Các khoản khác	18,650,546	-
	36,622,822	8,514,273,333

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,037,365,401	11,227,257,968
Các khoản điều chỉnh tăng	863,622,822	620,933,000
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	863,622,822	620,933,000
Các khoản điều chỉnh giảm	(569,512,194)	(491,589,752)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(569,512,194)	(491,589,752)
Tổng thu nhập tính thuế	23,331,476,029	11,356,601,216
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4,666,295,206	2,271,320,243
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	34,770,592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,666,295,206	2,306,090,835

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18,371,070,195	8,921,167,133
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18,371,070,195	8,921,167,133
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39,700,000	39,700,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	463	225

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro của công ty được thiết lập nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra để Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách hiệu quả an toàn.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	35,225,128,890	-	32,455,984,291	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	83,459,238,292	-	86,769,657,354	-
Các khoản cho vay	384,525,157,266	(18,507,844,370)	337,536,751,513	(25,555,765,576)
Các khoản phải thu	38,023,260,653	(3,517,850,220)	45,996,140,744	(3,517,850,220)
Đầu tư dài hạn	10,800,000,000	-	9,600,000,000	-
	552,032,785,101	(22,025,694,590)	512,358,533,902	(29,073,615,796)
Công cụ nợ tài chính			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Vay và nợ			230,112,189,825	186,801,320,109
Phải trả người bán, phải trả khác			2,302,602,538	21,661,376,238
Chi phí phải trả			4,468,325,197	1,733,431,617
			236,883,117,560	210,196,127,964

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở một mức độ hợp lý các khoản vay và các nguồn vay thích hợp từ việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35,225,128,890	-	-	35,225,128,890
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	83,459,238,292	-	-	83,459,238,292
Các khoản cho vay	366,017,312,896	-	-	366,017,312,896
Các khoản phải thu	34,505,410,433	-	-	34,505,410,433
Đầu tư dài hạn	-	10,800,000,000	-	10,800,000,000
	519,207,090,511	10,800,000,000	-	530,007,090,511
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,455,984,291	-	-	32,455,984,291
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	86,769,657,354	-	-	86,769,657,354
Các khoản cho vay	311,980,985,937	-	-	311,980,985,937
Các khoản phải thu	42,478,290,524	-	-	42,478,290,524
Đầu tư dài hạn	-	9,600,000,000	-	9,600,000,000
	473,684,918,106	9,600,000,000	-	483,284,918,106

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	230,112,189,825	-	-	230,112,189,825
Phải trả người bán và phải trả khác	2,302,602,538	-	-	2,302,602,538
Chi phí phải trả	4,468,325,197	-	-	4,468,325,197
	236,883,117,560	-	-	236,883,117,560
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	186,801,320,109	-	-	186,801,320,109
Phải trả người bán và phải trả khác	21,661,376,238	-	-	21,661,376,238
Chi phí phải trả	1,733,431,617	-	-	1,733,431,617
	210,196,127,964	-	-	210,196,127,964

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	23,526,590,632	5,266,752,336	49,345,795,857	78,139,138,825	-	78,139,138,825
Chi phí hoạt động	11,544,006,703	3,199,323,788	4,443,058,719	19,186,389,210	-	19,186,389,210
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	10,831,024	-	10,831,024
Chi phí không phân bổ	-	-	-	36,188,991,494	-	36,188,991,494
Kết quả hoạt động	11,982,583,929	2,067,428,548	44,902,737,138	22,774,589,145	-	22,774,589,145
Tài sản bộ phận trực tiếp	2,296,245,948	127,975,611,444	366,017,312,896	496,289,170,288	-	496,289,170,288
Tài sản không phân bổ	-	-	-	186,659,039,003	-	186,659,039,003
Tổng tài sản	2,296,245,948	127,975,611,444	366,017,312,896	682,948,209,291	-	682,948,209,291
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1,666,456,231	-	230,112,189,825	231,778,646,056	-	231,778,646,056
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	8,394,571,661	-	8,394,571,661
Tổng nợ phải trả	1,666,456,231	-	230,112,189,825	240,173,217,717	-	240,173,217,717

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vay vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	11,823,745,584,010	12,917,881,357,270
Trả vốn vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	11,784,167,714,294	12,901,459,651,580
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	5,970,734,180	5,732,413,850

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	(*)	7,700,000,000	22,600,000,000
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	25,114,006,552	25,114,006,552
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	(*)	4,042,300,000	4,021,450,000
Phải trả tiền vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	199,892,189,825	160,314,320,109
Phải thu khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	109,517,773	10,533,939
Kỹ quỹ ký cược			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	655,305,000	655,305,000
Phải trả khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	979,090,009	-

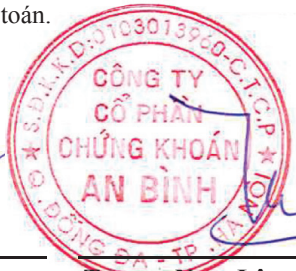
(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này. Quan hệ với các bên liên quan không nhất thiết thuộc quan hệ giữa các bên liên kết theo nghị định ND20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2,477,329,068	2,494,816,368

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

 Nguyễn Thị Hiền Lương Người lập	 Nguyễn Việt Cường Kế toán trưởng	  Trương Ngọc Lân Tổng Giám đốc
--	---	--

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà GELEXIMCO, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.3562 4626 - Fax: 024. 3562 4628

Website: www.abs.vn